

BẢN TIN HÀNG NGÀY

17 Tháng 12 2025

Vn-Index quay lại giảm điểm với thanh khoản rất thấp

- Vn-Index đi ngang quanh tham chiếu trong hầu hết ngày giao dịch, nhưng lại đóng cửa giảm 5.5 điểm trong phiên ATC
- Số lượng mã giảm gấp 1.8 lần số mã tăng
- Đà tăng vẫn rơi vào 1 vài mã như VPL GEE VCK BID FPT GEX BMP
- Chỉ có 1 số ít nhóm ngành tăng điểm là dầu khí, xây dựng
- DGC tiếp tục giảm sàn phiên thứ 2 liên tiếp
- Nhóm giảm điểm là ngân hàng, chứng khoán, bất động sản, hàng không, khu công nghiệp, và phân bón. Tuy nhiên, đa phần cũng chỉ giảm rất nhẹ
- Giá trị giao dịch khớp lệnh trên sàn HOSE giảm 32% so với ngày trước đó

Đồ thị Vn-Index 3 tháng

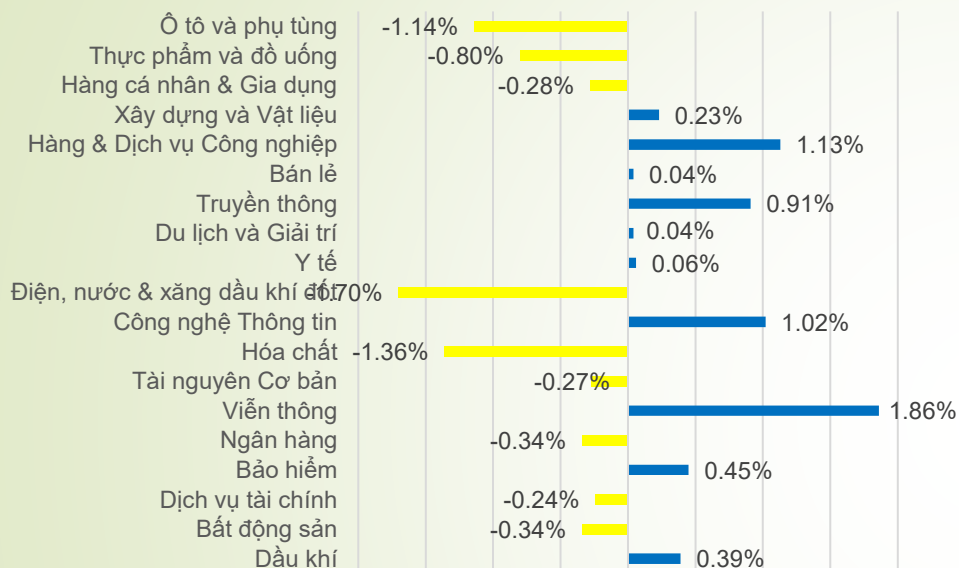


Tổng quan thị trường

	HOSE	HNX	UPCOM
Đóng cửa	1,673.7	253.1	118.8
(+/-)	-5.52	-1.96	0.46
(%)	-0.33%	-0.77%	0.39%
Khối lượng giao dịch (Triệu cp)	490	37	24
Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	14,029	409	370
Giao dịch khối ngoại (Tỷ VND)	(2)	(1)	7
Số mã tăng	114	46	118
Số mã giảm	206	96	86
Số mã giá không đổi	54	52	89

Nhận định thị trường

Diễn biến nhóm ngành & Chỉ số định giá



STT	Nhóm ngành	PE	PB
1	Dầu khí	19.98	1.33
2	Nguyên vật liệu	15.07	1.52
3	Công nghiệp	12.02	1.91
4	Hàng Tiêu dùng	17.44	2.56
5	Dược phẩm và Y tế	17.82	1.69
6	Dịch vụ Tiêu dùng	24.57	4.03
7	Viễn thông	20.30	5.17
8	Tiện ích Cộng đồng	13.60	1.72
9	Tài chính	24.11	2.58
10	Ngân hàng	9.74	1.58
11	Công nghệ Thông tin	17.82	3.64

- Thanh khoản hôm nay đạt rất thấp, nếu không bao gồm giao dịch thỏa thuận thì giá trị giao dịch tại HOSE chỉ đạt khoảng 14,000 tỷ; gần như thấp nhất 1 năm
- Như vậy, sau 1 phiên bùng nổ ngày hôm qua, thị trường lại trở lại trạng thái giao dịch eò uột, chán nản, giống với giai đoạn downtrend
- Như hôm qua đã nhận định, 1 phiên bùng nổ chưa thể đủ kết luận thị trường đã chạm đáy về mặt kỹ thuật. Hơn nữa, phiên tăng điểm hôm qua cũng có 1 phần tác động tâm lý đến nhà đầu tư sau phát biểu trấn an thị trường từ ông Nguyễn Duy Hưng SSI
- Do đó, về kỹ thuật, thị trường vẫn còn cần thêm thời gian để dò tìm đáy.
- Tuy nhiên, chúng tôi vẫn cho rằng, vùng giá hiện tại đã rất hấp dẫn về giá trị. Chúng tôi không thấy lý do lại phải bán tháo cổ phiếu ở thời điểm hiện tại.
- Nhà đầu tư vẫn tiếp tục canh mua khi thị trường điều chỉnh

Hiệu suất cổ phiếu theo ngành

Ngân hàng		Bất động sản		Chứng khoán		Thực phẩm		Xây dựng		Nguyên liệu cơ bản		Tiện ích		Hóa chất	
BID	1.60%	CRE	2.81%	TVS	0.00%	DBC	2.50%	BMP	6.31%	ACG	1.47%	PGV	1.28%	VFG	2.33%
EIB	0.46%	KOS	0.55%	VCI	0.00%	PAN	0.71%	VCG	1.28%	NKG	0.00%	NT2	1.09%	PHR	1.05%
STB	0.32%	VRE	0.34%	BCG	0.00%	KDC	0.38%	CTD	1.25%	PTB	0.00%	GEG	0.71%	DPR	-0.27%
VIB	0.28%	KDH	0.32%	VND	-0.26%	BAF	0.14%	CTR	1.19%	DHC	-0.30%	CHP	0.34%	CSV	-0.35%
ACB	0.00%	VIC	0.00%	DSC	-0.32%	VCF	-0.03%	HHV	0.00%	HSG	-0.94%	SHP	0.00%	DPM	-0.45%
HDB	0.00%	VHM	-0.11%	EVF	-0.44%	SBT	-0.20%	HTI	-0.42%	HPG	-1.12%	TDM	0.00%	GVR	-0.75%
MBB	-0.20%	VPI	-0.17%	BSI	-0.92%	ASM	-0.45%	VGC	-0.60%			PPC	-0.10%	AAA	-0.98%
VCB	-0.35%	DIG	-0.28%	DSE	-0.97%	MSN	-0.67%	PC1	-2.00%			POW	-0.81%	DCM	-1.08%
MSB	-0.40%	SIP	-0.38%	AGR	-1.58%	ANV	-0.73%	CII	-3.30%			BWE	-0.98%	DGC	-6.94%
SSB	-0.57%	IJC	-0.45%	HCM	-1.71%	MCM	-0.75%					REE	-1.12%		
OCB	-0.83%	HDG	-1.03%	ORS	-1.82%	FMC	-0.84%					VSH	-1.12%		
VPB	-0.89%	SZC	-1.34%	SSI	-1.98%	VHC	-1.09%					PGD	-1.26%		
LPB	-1.01%	PDR	-1.54%	FTS	-2.00%	VNM	-2.02%					GAS	-2.18%		
NAB	-1.05%	TCH	-1.84%	CTS	-2.19%	HAG	-2.23%					HNA	-3.00%		
TCB	-1.21%	KBC	-2.03%	VDS	-2.32%	BHN	-2.43%					TMP	-4.75%		
SHB	-1.26%	HDC	-2.04%	VIX	-2.84%	SAB	-3.09%								
CTG	-1.56%	NVL	-2.21%												
TPB	-1.79%	DXG	-2.32%												
		BCM	-2.93%												
		NLG	-2.95%												
		DXS	-3.09%												
		SJS	-3.57%												
		QCG	-6.86%												

Giao dịch khối ngoại

Giao dịch khối ngoại - 10 ngày



Top mua ròng

No	Code	Exchange	Buy value	Sell value	Net value
1	HDB	HOSE	173.28	37.35	135.92
2	FPT	HOSE	291.42	190.17	101.25
3	GEX	HOSE	105.60	26.48	79.11
4	KDH	HOSE	70.26	19.40	50.86
5	PVD	HOSE	77.20	26.62	50.59
6	MBB	HOSE	62.24	14.28	47.96
7	VND	HOSE	59.30	22.37	36.93
8	TCB	HOSE	60.56	24.60	35.96
9	FRT	HOSE	43.03	11.27	31.76
10	PVS	HNX	25.92	4.24	21.68
11	DBC	HOSE	28.57	7.22	21.35
12	EIB	HOSE	31.84	12.66	19.18
13	BID	HOSE	24.75	8.07	16.68
14	BAF	HOSE	18.87	2.42	16.45
15	BMP	HOSE	18.59	2.50	16.08

Giao dịch khối ngoại - 10 tuần



Top bán ròng

No	Code	Exchange	Buy value	Sell value	Net value
1	VIC	HOSE	88.95	259.84	- 170.89
2	CTG	HOSE	53.13	134.22	- 81.09
3	VHM	HOSE	83.63	147.69	- 64.07
4	MSN	HOSE	16.81	67.49	- 50.68
5	GMD	HOSE	18.28	61.96	- 43.68
6	VCI	HOSE	13.76	55.24	- 41.49
7	VCB	HOSE	21.88	59.10	- 37.22
8	CII	HOSE	1.05	37.49	- 36.44
9	VJC	HOSE	3.37	37.97	- 34.60
10	HVN	HOSE	3.90	32.85	- 28.95
11	VIX	HOSE	35.30	62.10	- 26.80
12	HPG	HOSE	136.37	161.96	- 25.59
13	DGC	HOSE	3.25	27.70	- 24.45
14	HCM	HOSE	0.59	23.68	- 23.09
15	MBS	HNX	0.11	21.22	- 21.11

Cập nhật vĩ mô

	Hôm nay	1D	1W	YTD
Giá dầu Brent (USD/thùng)	58.83	-2.86%	-5.02%	-21.18%
Giá dầu WTI (USD/thùng)	55.16	-2.66%	-5.30%	-23.09%
Giá vàng thế giới (USD/ounce)	4,335.10	0.66%	3.05%	64.15%
Tỷ giá trung tâm (USD/VND)	25,146	0.02%	-0.04%	3.33%
Tỷ giá bán Vietcombank (USD/VND)	26,403	0.02%	-0.03%	3.33%
Tỷ giá bán TT tự do (USD/VND)	26,950	-0.19%	-0.74%	4.26%
Lãi suất qua đêm – Liên ngân hàng	7.08%	-0.29%	-0.29%	3.04%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 1 năm	3.07%	0.00%	0.01%	0.95%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 3 năm	3.17%	0.00%	-0.01%	1.00%

8 ngân hàng vừa tăng lãi suất tiết kiệm

Ngoài nhóm Big4, còn có 4 ngân hàng khác vừa tăng lãi suất tiết kiệm: OCB nâng lãi suất huy động cao nhất lên 7,1%/năm, LPBank tăng lãi suất huy động từ 0.55% đến 0.6% toàn bộ kỳ hạn từ 1 đến 60 tháng, ABBank tăng mạnh lãi suất 0.8% ở các kỳ hạn dài, và BaoViet Bank tăng lãi suất 0.2% các kỳ hạn 6 - 36 tháng

VPBankS: Kỳ vọng NHNN tăng lãi suất điều hành quý I/2026

Theo Chứng khoán VPBank, triển vọng USD/VND năm 2026 sẽ nhận được lực hỗ trợ tích cực từ đợt cắt giảm lãi suất của Fed trong tháng 12, đồng thời có thể tiếp tục được củng cố bởi kỳ vọng NHNN tăng lãi suất điều hành trong quý I/2026.

Mỹ có thêm 64.000 việc làm trong tháng 11 nhưng mất 105.000 vào tháng 10

Mỹ đã tạo ra thêm 64.000 việc làm mới trong tháng 11, cao hơn ước tính 45.000 của Dow Jones. Tuy nhiên, tỷ lệ thất nghiệp tiếp tục xu hướng đi lên trong tháng 11, đạt 4,6%, cao hơn ước tính và chạm mức đỉnh 4 năm.

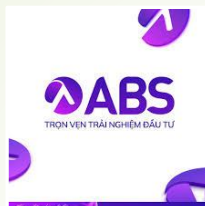
Bản tin doanh nghiệp

BECA[^]MEX

Vint

Becamex sắp rót thêm 735 tỷ đồng vào một công ty

Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore dự kiến tăng vốn điều lệ thêm 1.500 tỷ đồng; trong đó, Becamex sẽ góp bổ sung 735 tỷ đồng theo đúng tỷ lệ sở hữu. Việc góp vốn dự kiến được thực hiện trong quý IV/2025.



Chứng khoán An Bình muốn tăng vốn gấp 3 lên hơn 3,000 tỷ

Công ty sẽ chào bán thêm 202.3 triệu cp theo phương thức chào bán cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 200%) và 5 triệu cp ESOP. Cả 2 phương án đều có giá chào bán là 10,000 đồng/cp. Dự kiến, Công ty sẽ tăng vốn thêm tối đa 2,073 tỷ đồng, đạt mức 3,084.5 tỷ đồng nếu thực hiện thành công các phương án tăng vốn.



NVL điều chỉnh phương án hoán đổi nợ, còn hai chủ nợ tham gia

Novaland sắp phát hành riêng lẻ hơn 163,6 triệu cổ phiếu để hoán đổi 2.577 tỷ đồng nợ với hai cổ đông lớn là Novagroup và Diamond Properties. Một chủ nợ đã rời danh sách tham gia hoán đổi.

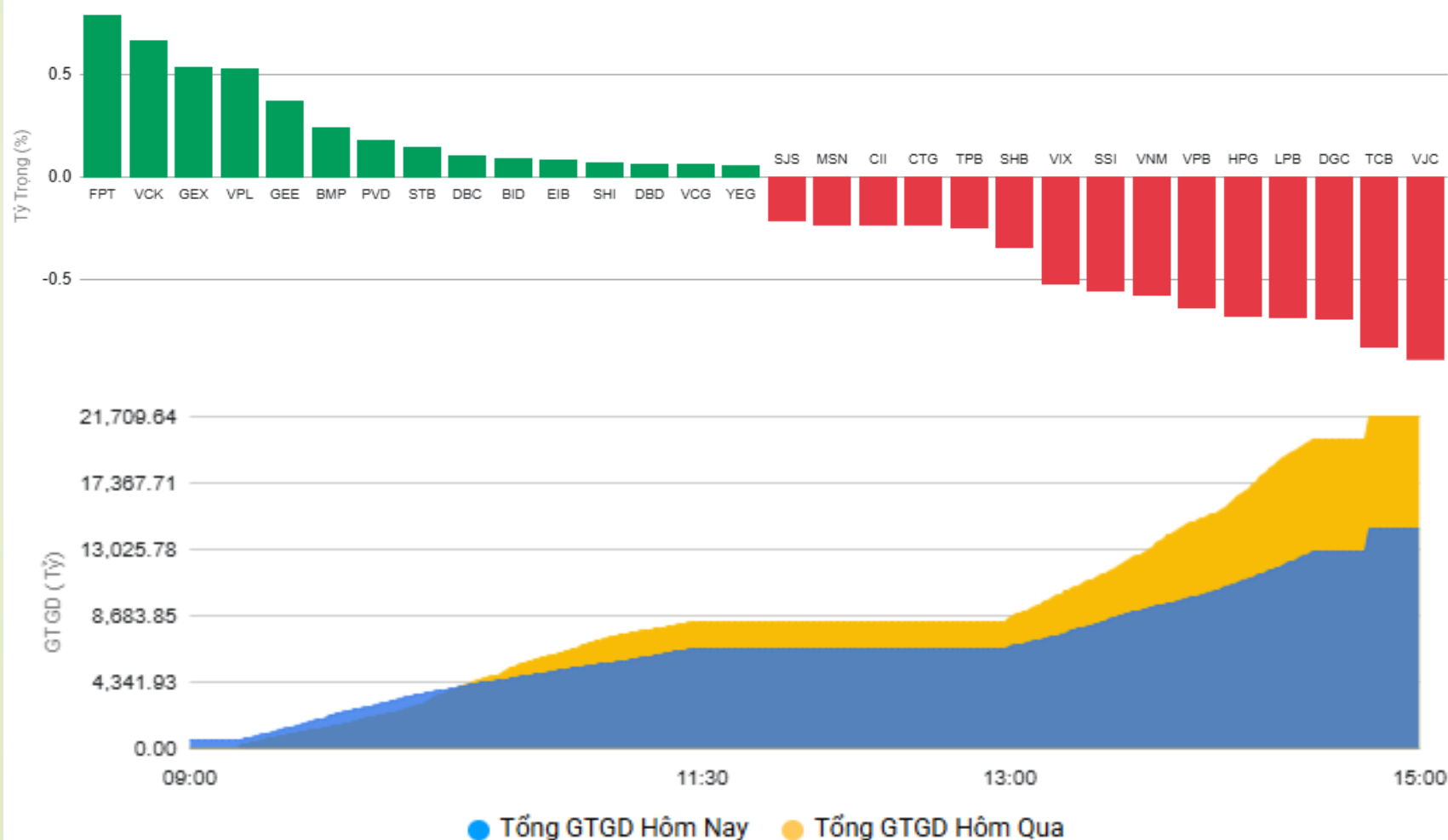
Lịch sự kiện

Mã	Ngày GDKHQ	Ngày thực hiện	Sự kiện	Tỷ lệ thực hiện	Giá trị
FT1	18/12/2025	20/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	51.42%	5,142
TTA	18/12/2025	18/12/2025	Phát hành cổ phiếu	5.00%	500
HDB	18/12/2025	18/12/2025	Phát hành cổ phiếu	25.00%	2,500
HDB	18/12/2025	18/12/2025	Phát hành cổ phiếu	4.69%	469
HTG	18/12/2025	19/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	25.00%	2,500
SCS	19/12/2025	26/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	25.00%	2,500
SIV	19/12/2025	22/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15.00%	1,500
TIP	19/12/2025	15/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	3.00%	300
DM7	22/12/2025	07/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
BAX	24/12/2025	29/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20.00%	2,000
PAT	24/12/2025	15/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	100.00%	10,000
CCC	24/12/2025	22/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	2.00%	2000
CCC	24/12/2025	24/12/2025	Phát hành cổ phiếu	2.00%	200
DGC	24/12/2025	15/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	30.00%	3,000
HDM	24/12/2025	26/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15.00%	1,500
HUG	24/12/2025	20/03/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
PAT	24/12/2025	15/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	100.00%	10,000
SBV	25/12/2025	25/12/2025	Phát hành cổ phiếu	5.00%	
TDB	26/12/2025	23/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15.00%	1,500
AVC	29/12/2025	30/03/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5.00%	500
QHD	29/12/2025	30/01/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	17.00%	1,700

Số liệu thị trường

NHÓM ẢNH HƯỞNG MẠNH TỚI CHỈ SỐ

BIỂU ĐỒ PHÂN TÁN



Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá CP tại thời điểm báo cáo	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (17/12/2025)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
VPB	20/05/2024	20/08/2025	19,800	27,300	28,000	-2.5%	Link	Link
TPB	01/07/2024	12/09/2025	17,350	21,619	16,500	31.0%	Link	Link
TCB	12/08/2024	07/08/2025	21,250	32,200	32,600	-1.2%	Link	Link
MBB	29/08/2024	13/08/2025	24,850	28,500	24,400	16.8%	Link	Link
ACB	23/09/2024	01/08/2025	25,650	31,500	24,000	31.3%	Link	Link
HDB	15/10/2024	28/08/2025	27,150	35,300	32,100	10.0%	Link	Link
CTG	28/11/2024	24/09/2025	35,150	35,020	34,700	0.9%	Link	Link
VCB	24/02/2025	02/10/2025	93,100	70,800	56,700	24.9%	Link	Link
BID	20/03/2025	10/10/2025	39,800	44,650	38,000	17.5%	Link	Link
HPG	13/01/2025	08/08/2025	25,900	30,710	26,400	16.3%	Link	Link
HSG	14/02/2025	07/08/2025	16,650	17,700	15,750	12.4%	Link	Link
NKG	07/03/2025	17/11/2025	16,100	17,580	15,000	17.2%	Link	Link
NLG	30/09/2024	13/11/2025	41,550	45,000	31,250	44.0%	Link	Link
KDH	23/10/2024	20/11/2025	33,300	42,000	31,700	32.5%	Link	Link
DXG	15/11/2024	15/08/2025	16,150	20,800	16,850	23.4%	Link	Link
DXS	15/01/2025	15/08/2025	6,500	12,000	9,080	32.2%	Link	Link
KBC	22/01/2025	27/11/2025	28,950	40,500	33,800	19.8%	Link	Link
VRE	21/03/2025	28/08/2025	18,450	30,000	29,700	1.0%	Link	Link
HAH	31/03/2025	12/08/2025	52,800	69,420	58,200	19.3%	Link	Link
VHM	29/04/2025	10/09/2025	58,400	87,200	94,900	-8.1%	Link	Link
STB	14/05/2025	18/09/2025	40,000	50,500	47,200	7.0%	Link	Link
GMD	27/05/2025	24/11/2025	59,500	73,340	58,700	24.9%	Link	Link
HDC	05/06/2025		26,000	26,964	24,000	12.4%	Link	Link
VSC	18/06/2025	20/08/2025	16,550	25,140	20,000	25.7%	Link	Link
PDR	30/06/2025		18,050	18,704	19,200	-2.6%	Link	Link
PVT	17/07/2025	02/12/2025	18,100	21,870	18,350	19.2%	Link	Link
BCM	04/08/2025		71,000	83,000	62,900	32.0%	Link	Link
VCG	29/08/2025	16/12/2025	25,550	26,800	23,800	12.6%	Link	Link
CTD	24/09/2025		81,900	94,400	81,000	16.5%	Link	Link

**Trụ sở chính**

Tầng 9, tòa tháp Đông, Lotte Center Hà Nội, số 54 Liễu Giai, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Fax: 0243.941.0248

Chi nhánh Hà Nội

Tầng trệt tòa Somerset Grand Hanoi & Phòng 505, tầng 5 Tòa Tháp Hà Nội, số 49 Hai Bà Trưng, phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, HN

Hotline: 1900.1055

Fax: 0243.941.0248

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, tòa nhà President Place, Số 93 Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, HCM

Hotline: 0283.838.5917

Fax: 0283.620.0887

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH

Báo cáo này thuộc sở hữu của NHSV. Mọi hành vi sao chép, in ấn khi không có sự cho phép của NHSV đều bị nghiêm cấm. Báo cáo này không nên được coi là một lời đề nghị giao dịch mua bán bất kỳ cổ phiếu nào. Mặc dù những thông tin, dự báo và nhận định trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy, NHSV không thể khẳng định sự chính xác và hoàn thiện của các nguồn thông tin này. NHSV sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ thiệt hại, mất mát nào đến từ việc sử dụng bất kỳ thông tin, nhận định nào đến từ báo cáo này.